

Số: 43 /NQ-HĐND

Phường 3, ngày 27 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT
Về việc Phân bổ dự toán thu, chi Ngân sách nhà nước năm 2024
trên địa bàn Phường 3

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG 3
KHÓA XII, NHIỆM KỲ 2021-2026
KỲ HỌP THỨ 7

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 1479/QĐ-UBND, ngày 20 tháng 12 năm 2023 của Chủ tịch UBND thành phố Tây Ninh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2024 trên địa bàn Thành phố;

Xét Tờ trình số 312/TTr-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của UBND Phường 3 về việc phân bổ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 trên địa bàn Phường 3; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - xã hội Phường 3 và ý kiến của đại biểu HĐND Phường 3 tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất thông qua phân bổ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 trên địa bàn Phường 3 theo Tờ trình số 312/TTr-UBND ngày 15/12/2023 của UBND Phường 3, cụ thể như sau:

1. Dự toán thu ngân sách Phường 3 năm 2024

- Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn: 15.069.000.000 đồng
- Dự toán thu ngân sách phường: 8.486.779.000 đồng

2. Dự toán chi ngân sách Phường 3 năm 2024

- Tổng chi ngân sách phường: 9.699.278.000 đồng, trong đó:
 - + Chi thường xuyên: 9.248.322.000 đồng
 - + Chi dự phòng ngân sách: 184.966.000 đồng
 - + Chi bổ sung có mục tiêu: 139.800.000 đồng
 - + Chi tạo nguồn CCTL: 126.190.000 đồng

(Kèm biểu dự toán thu ngân sách và biểu phân bổ chi tiết dự toán chi ngân sách từng đơn vị, phòng ban).

Điều 2. Giao UBND Phường 3 tổ chức thực hiện Nghị quyết này đảm bảo đúng quy định.

Điều 3. Giao Thường trực HĐND Phường 3, Ban kinh tế - xã hội Phường 3, đại biểu HĐND Phường 3 tổ chức giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Phường 3 khóa XII, nhiệm kỳ 2021-2026, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 27 tháng 12 năm 2023./.

Nơi nhận:

- TT.HĐND Thành phố;
- UBND Thành phố;
- Đảng ủy Phường 3;
- UBND Phường 3;
- UBMTTQVN Phường 3;
- Hai Ban HĐND Phường 3;
- Đại biểu HĐND Phường 3;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Trần Kim Bảo Châu
Trần Kim Bảo Châu

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2024
(Kèm theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐND, ngày 12/12/2023
của Hội đồng nhân dân Phường 3)

Đơn vị: đồng

| Nội dung | Dự toán năm 2023 | |
|---|-----------------------|----------------------|
| | Thu NSNN | Thu NSX |
| Tổng số thu | 15,069,000,000 | 8,486,779,000 |
| I. Các khoản thu 100% | 661,000,000 | 661,000,000 |
| - Phí, lệ phí | 636,000,000 | 636,000,000 |
| <i>Trong đó: lệ phí môn bài</i> | <i>350,000,000</i> | <i>350,000,000</i> |
| - Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác | | |
| - Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp | | |
| - Thu phạt, tịch thu khác theo quy định | | |
| - Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định | | |
| - Đóng góp của nhân dân theo quy định | | |
| - Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân | | |
| - Thu khác | 25,000,000 | 25,000,000 |
| II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) | 14,408,000,000 | 7,825,779,000 |
| 1. Các khoản thu phân chia | 4,253,000,000 | 4,253,000,000 |
| - Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp | 4,253,000,000 | 4,253,000,000 |
| - Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình | | |
| - Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh | | |
| - Lệ phí trước bạ nhà, đất | | |
| 2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định | 10,155,000,000 | 2,673,200,000 |
| - Thuế thu nhập cá nhân | 3,649,000,000 | |
| - Thuế giá trị gia tăng | 6,388,000,000 | 2,555,200,000 |
| - Thuế tài nguyên | 10,000,000 | 10,000,000 |
| - Thuế tiêu thụ đặc biệt | 108,000,000 | 108,000,000 |
| 3. Huyện thu xã hưởng | | 899,579,000 |
| - Thuế giá trị gia tăng | | |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp | | |
| - Lệ phí trước bạ nhà, đất | | |
| III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có) | | |
| IV. Thu chuyển nguồn | | |
| V. Thu kết dư ngân sách năm trước | | |
| VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên | | 0 |
| - Bổ sung có mục tiêu NS TP | | |
| - Bổ sung có mục tiêu NS tỉnh | | 0 |

TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 43 /NQ-HĐND ngày 27/12/2023
của Hội đồng nhân dân Phường 3)

Đơn vị tính: đồng

| TT | Nội dung chi | Dự toán | Ghi chú |
|----------|---|----------------------|---------|
| | TỔNG CỘNG | 9,699,278,000 | |
| A | TỔNG CHI NGÂN SÁCH | 9,559,478,000 | |
| I | Chi thường xuyên | 9,248,322,000 | |
| 1 | Chi sự nghiệp kinh tế | 392,241,600 | |
| 2 | Chi hoạt động bảo vệ môi trường, bao gồm thu gom, xử lý rác thải | 45,000,000 | |
| 3 | Sự nghiệp văn hóa - thông tin, truyền thanh | 213,100,000 | |
| 4 | Sự nghiệp thể dục - thể thao | 18,900,000 | |
| 5 | Sự nghiệp đảm bảo xã hội | 151,683,000 | |
| | - Chi cứu tế đột xuất, đám tang, thăm bệnh, thăm hỏi động viên các gia đình thuộc diện chính sách vào ngày lễ, tết; Chi chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi;...(theo tiêu chí dân số) | 151,683,000 | |
| 6 | Chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể | 4,793,365,000 | |
| a | Chi quản lý nhà nước | 2,912,603,000 | |
| | - Lương Quản lý nhà nước (CBCC, KCT phường, Trưởng khu phố) | 2,030,387,000 | |
| | - Chi Quản lý hành chính | 693,000,000 | |
| | - Phụ cấp đại biểu HĐND | 136,080,000 | |
| | - Phụ cấp các Ban HĐND | 14,256,000 | |
| | - Mức thù lao (Đội công tác xã hội tình nguyện) | 38,880,000 | |
| | -Phụ cấp CTV nghề công tác xã hội | | |
| b | Kinh phí Đảng | 755,197,000 | |
| | - Lương Đảng (CBCC, KCT phường, Bí thư khu phố) | 664,477,000 | |
| | - Phụ cấp cấp ủy | 90,720,000 | |
| c | Chi hoạt động đoàn thể | 887,605,000 | |
| | - Lương (CBCC, KCT phường: 05 tổ chức; TB.CTMT khu phố) | 887,605,000 | |
| d | Các tổ chức xã hội | 174,960,000 | |
| | - Phụ cấp Hội Người cao tuổi, Chữ thập đỏ | 116,640,000 | |
| | - Phụ cấp Hội NN CĐ DC | 58,320,000 | |
| e | Chi mua sắm, sửa chữa tài sản | 63,000,000 | |
| 7 | Chi an ninh - quốc phòng | 3,430,038,000 | |
| a | An ninh | 2,259,264,000 | |

| TT | Nội dung chi | Dự toán | Ghi chú |
|------------|---|--------------------|---------|
| b | Quốc phòng | 1,170,774,000 | |
| 8 | Chi khác ngân sách | 41,410,800 | |
| 9 | Chi thực hiện cải cách tiền lương | 162,583,600 | |
| | - Tiết kiệm 10% chi thường xuyên CCTL (KP tự chủ) | 40,000,000 | |
| | - Tiết kiệm 10% chi thường xuyên CCTL (KP không tự chủ) | 122,583,600 | |
| II | Nguồn tạo nguồn CCTL | 126,190,000 | |
| III | Dự phòng ngân sách | 184,966,000 | |
| B | CHI TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH BSMT | 57,000,000 | |
| | - Kinh phí chế độ Phụ cấp đối với Áp khu đội trưởng và dân quân theo NQ số 39/NQ-HĐND | 27,000,000 | |
| | - Chi thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông cho Ban An toàn giao thông cấp xã | 30,000,000 | |
| | CHI TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ BSMT | 82,800,000 | |
| | - Kinh phí hỗ trợ Tổ dân cư tự quản | 82,800,000 | |

Ghi chú: Tiết kiệm 10% để thực hiện Cải cách lương đối với các nguồn kinh phí

- + Sự nghiệp kinh tế: 435.824.000 đồng x 10% = 43.582.400 đồng
 - + Sự nghiệp văn hoá: 33.000.000 đồng x 10% = 3.300.000 đồng
 - + Sự nghiệp TĐTT: 21.000.000 đồng x 10% = 2.100.000 đồng
 - + Sự nghiệp môi trường: 50.000.000 đồng x 10% = 5.000.000 đồng
 - + Hoạt động An ninh: 30.000.000 đồng x 10% = 3.000.000 đồng
 - + Hoạt động Quốc phòng: 170.000.000 đồng x 10% = 17.000.000 đồng
 - + Mua sắm tài sản: 70.000.000 đồng x 10% = 7.000.000 đồng
 - + Chi khác ngân sách: 46.012.000 đồng x 10% = 4.601.200 đồng
 - + Hoạt động của UBND (nguồn khoán): 370.000.000đ x 10% = 37.000.000 đồng
 - + Hoạt động của UBND (nguồn không khoán): 400.000.000đ x 10% = 40.000.000 đồng
- Tổng kinh phí tiết kiệm để thực hiện CCL năm 2024: 162.583.600 đồng